TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2022
V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Lê Vân Trang**
Bà Lại Thị Nguyễn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Ông Đinh Mạnh Tú**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Hà**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số: 06/2022/ QĐ-ST ngày 29-7-2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Tr, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn ĐS, xã ĐK, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn ĐS, xã ĐK, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ nơi cư trú. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27-4-2022 và các bản tự khai, Biên bản lấy lời khai bổ sung, nguyên đơn là chị Hà Thị Tr trình bày: Chị và anh Phạm Văn D đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐK, huyện VC ngày 18-11-2009. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Phạm Văn D đi làm ăn tại HQ, khi về Việt Nam thì không về nhà và có quan hệ tình cảm với người khác. Hai người không còn liên lạc gì với nhau từ cuối năm 2017. Chị Hà Thị Tr đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh Phạm Văn D không cung

cấp địa chỉ nơi cư trú và làm việc mà cố tình giấu địa chỉ nơi sinh sống, lao động của mình.

Đến nay chị Hà Thị Tr xác định mâu thuẫn giữa hai người đã rất trầm trọng, hai người đã sống ly thân từ lâu nên tình cảm không còn, không thể hàn gắn tình cảm được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn D.

Về con chung, chị Hà Thị Tr xác định giữa hai người có 02 con chung là:

1. Cháu Phạm Như H – sinh ngày 15-7-2010
2. Cháu Phạm Nhật M – Sinh ngày 03-8-2015

Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị tại thông ĐS, xã ĐK, huyện VC, tỉnh Yên Bái.

Chị Hà Thị Tr đề nghị được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh Phạm Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Hà Thị Tr xác định hai người có các tài sản chung bao gồm: Khoảng 200m^2 đất thổ cư có địa chỉ tại khu phố ĐK, xã ĐK, huyện VC; 01 nhà xây 03 tầng có diện tích xây dựng khoảng 190m^2 xây trên đất của ông Phạm Văn N *(là bố đẻ anh D)* có địa chỉ tại thôn ĐS, xã ĐK, huyện VC; 01 xe máy hiệu Wave cũ và một số vật dụng gia đình khác. Chị Hà Thị Tr không yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung mà để chờ bao giờ anh Phạm Văn D về sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 24-6-2022, ông Phạm Văn N (Là bố đẻ anh Phạm Văn D) cung cấp các nội dung: Hiện nay anh Phạm Văn D đang đi lao động tại HQ theo diện tự do nên không có địa chỉ cụ thể. Anh D vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình bằng điện thoại nhưng không cung cấp địa chỉ nơi cư trú và lao động cho gia đình biết. Gia đình đã thông báo cho anh Phạm Văn D biết nội dung chị Hà Thị Tr xin ly hôn qua điện thoại.

Tại Biên bản xác minh ngày 31-5-2022, ông Vũ Xuân P là trưởng Công an xã ĐK cung cấp nội dung: Phạm Văn D có vợ là Hà Thị Tr, cùng cư trú tại thôn ĐS, xã ĐK, huyện VC. Phạm Văn D đi xuất khẩu lao động tại HQ từ năm 2014 đến nay đã được 07 năm, hiện nay vẫn đang lao động tại HQ. Tuy nhiên Phạm Văn D lao động tại địa chỉ nào tại HQ thì địa phương không nắm được. Gia đình Phạm Văn D cũng không biết, không cung cấp được địa chỉ của Phạm Văn D.

Tại Biên bản xác minh ngày 08-6-2022, ông Hoàng Đình G là trưởng thôn ĐS, xã ĐK, huyện VC cung cấp các nội dung: Anh Phạm Văn D và chị Hà Thị Tr là công dân của thôn ĐS, xã ĐK, huyện VC. Hiện nay anh Phạm Văn D không có mặt tại địa phương. Năm 2014 anh Phạm Văn D đi xuất khẩu lao động tại HQ theo diện Hợp đồng lao động với thời hạn 03 năm, nhưng sau khi hết thời hạn theo Hợp đồng anh D không về mà ở lại HQ theo diện lao động tự do nên hiện nay không ai biết anh D ở đâu. Theo gia đình anh D cung cấp thì hiện nay vẫn thường xuyên liên lạc được với anh D qua điện thoại. Chính quyền địa phương đã nhận được rất nhiều văn bản của Toà án, nhưng không tống đạt được

cho anh Phạm Văn D vì gia đình anh D không cung cấp địa chỉ. Vì vậy đã tiến hành niêm yết các giấy tờ của Toà án gửi cho anh Phạm Văn D tại nhà văn hoá thôn.

Theo Đơn nguyện vọng của các cháu Phạm Như H và Phạm Nhật M, đều thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Ngày 05-7-2022, Toà án nhận được Đơn đề nghị của Phạm Văn D gửi về (*Do bà Sa Thị H là mẹ đẻ Phạm Văn D nộp)* có nội dung: Anh Phạm Văn D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số: 08/TBTL-TA ngày 07-6-2022 của Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái về việc chị Hà Thị Tr xin ly hôn và có ý kiến như sau: Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2014 anh đi lao động xuất khẩu tại HQ, đến nay chưa về nước. Do nhiều năm xa cách nên tình cảm vợ chồng không còn như trước. Nay chị Hà Thị Tr ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: hai người có 02 con chung là:

1. Cháu Phạm Như H – sinh ngày 15-7-2010

2. Cháu Phạm Nhật M – Sinh ngày 03-8-2015

Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị Hà Thị Tr tại thông ĐS, xã ĐK, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Anh có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Hai người có 01 căn nhà xây trên đất của bố mẹ đẻ rộng khoảng 60m^2 tại thôn ĐS, xã ĐK, huyện VC và 01 mảnh đất chiều ngang khoảng 9m mặt đường, chiều sâu 25m ở tại khu phố xã ĐK, huyện VC. Ngoài ra trong thời gian lao động tại HQ, anh thường xuyên gửi tiền về để chi tiêu, mua sắm đồ đạc nhưng hiện nay các đồ này chị Hà Thị Tr đã mang hết đi nên anh không biết số tài sản này đã đi đâu. Vì vậy anh Phạm Văn D yêu cầu Toà án bảo lưu hồ sơ vụ án ly hôn để đợi đến ngày anh Phạm Văn D về nước mới giải quyết.

Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Phạm Văn N *(Là bố đẻ anh Phạm Văn D)* cung cấp địa chỉ nơi cư trú và lao động của anh Phạm Văn D nhưng gia đình không cung cấp. Vì vậy Toà án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng. Đồng thời đã cho đăng tin trên Đài phát thanh Trung ương và báo Công Lý, Cổng thông tin điện tử của Toà án các nội dung yêu cầu anh Phạm Văn D có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án.

Ngày 14-7-2022, Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Do anh Phạm Văn D vắng mặt và chị Hà Thị Tr có đơn từ chối hoà giải nên phiên họp không thể tiến hành được.

Tại phiên toà, do các đương sự vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Tr: Xử cho chị Hà Thị Tr được ly hôn anh Phạm Văn D; Về con chung: giao cả hai con chung là các cháu Phạm

Như H và Phạm Nhật M cho chị Hà Thị Tr nuôi dưỡng. Do chị Hà Thị Tr không yêu cầu nên anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của ông Phạm Văn N và nội dung xác minh tại công an xã ĐK, huyện VC; Công văn số 16207/QLXNC-P5 ngày 01-8-2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an. Có đủ căn cứ để xác định bị đơn Phạm Văn D hiện đang cư trú và lao động tại nước ngoài theo diện lao động tự do. Vì vậy Toà án nhân dân huyện VC quyết định chuyển vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái giải quyết theo thẩm quyền là phù hợp với quy định tại các Điều 28; 35; 37 và 41 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Toà án đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông Phạm Văn N, bà Sa Thị H cung cấp địa chỉ nơi cư trú, làm việc của bị đơn Phạm Văn D nhưng gia đình không cung cấp địa chỉ đồng thời thừa nhận bị đơn vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Căn cứ theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân Tối cao, hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Vụ án được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Toà án đã tiến hành niêm yết công khai các tài liệu tố tụng, đồng thời cho đăng trên Đài phát thanh Trung ương, Báo Công lý và cổng thông tin điện tử của Toà án nội dung thông báo thông tin về thời hạn giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy Toà án căn cứ vào quy định tại các Điều 179; 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.3] Ngày 05-7-2022, bà Sa Thị H là mẹ đẻ của anh Phạm Văn D có giao nộp cho Toà án 01 đơn đề nghị của Phạm Văn D và 01 giấy uỷ quyền nhận văn bản tố tụng. Do các văn bản này đều không có xác nhận của các cơ quan chức năng, không được thu thập theo trình tự tố tụng nên không đảm bảo tính khách quan. Vì vậy Toà án không sử dụng làm tài liệu chứng cứ trong việc giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và Giấy chứng nhận kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã ĐK, huyện VC cấp. Thể

hiện việc kết hôn giữa anh Phạm Văn D và chị Hà Thị Tr là hợp pháp. Anh Phạm Văn D đi lao động tại nước ngoài từ ngày 12-12-2014 đến nay không về địa phương sinh sống. Thể hiện từ khi anh Phạm Văn D đi xuất khẩu lao động một thời gian vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và có thời gian dài vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau. Anh Phạm Văn D không về thăm gia đình dẫn đến hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Hiện nay không biết anh Phạm Văn D ở đâu và thời gian nào thì về địa phương nên đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xét xử cho chị Hà Thị Tr được ly hôn anh Phạm Văn D.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, các giấy khai sinh và sổ hộ khẩu gia đình, thể hiện: Chị Hà Thị Tr và anh Phạm Văn D có 02 con chung là các cháu :

1. Phạm Như H – sinh ngày 15-7-2010

2. Phạm Nhật M – Sinh ngày 03-8-2015

Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị Hà Thị Tr tại thôn ĐS, xã ĐK, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Chị Hà Thị Tr có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu anh Phạm Văn D cấp dưỡng nuôi con chung.

Do hiện nay không xác định được địa chỉ nơi cư trú của anh Phạm Văn D; Mặt khác, các cháu Phạm Như H và Phạm Nhật M đều đang sinh sống và học tập ổn định cùng chị Hà Thị Tr ở tại thôn ĐS, xã ĐK, huyện VC, tỉnh Yên Bái và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho quyền lợi của các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một cách tốt nhất. Cần căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị Tr, giao các cháu Phạm Như H và Phạm Nhật M cho chị Hà Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Do chị Hà Thị Tr không yêu cầu nên anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi anh Phạm Văn D về nước, nếu có nguyện vọng được nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền yêu cầu Toà án nhân dân xem xét, giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị Tr thừa nhận vợ chồng có một số tài sản chung, nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Hà Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

37, Điều 39, Điều 41, khoản 4 Điều 147, Điều 179; 180; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 -12 - 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hà Thị Tr

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Tr được ly hôn với anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao các cháu Phạm Như H – sinh ngày 15-7-2010 và Phạm Nhật M - Sinh ngày 03-8-2015 cho chị Hà Thị Tr được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Văn D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Phạm Văn D thực hiện quyền này. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí và chi phí tố tụng:

3.1. Chị Hà Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2021/0002563 ngày 16-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VC, tỉnh Yên Bái. Chị Hà Thị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Chị Hà Thị Tr phải chịu 3.000.000 đồng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Chị Hà Thị Tr đã nộp đủ số tiền chi phí thông báo này.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án. Anh Phạm Văn D có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND cấpcao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện VC;
- THA Dân sự tỉnh Yên Bái
- Niêm yết, UBND xã ĐK
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA . (12b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Dũng